

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình dạy học các ngành đào tạo
trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 08/2007/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 08 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 510/QĐ-TDĐTBN ngày 09/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc ban hành chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo các ngành đại học chính quy của trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo, QLKH & HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình dạy học các ngành trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy. Mã ngành: 7140206; 7810302; 7810301; 7729001 (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Hành chính, Tổng hợp; Trưởng các khoa Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Quản lý TDTT; Y Sinh học Thể dục thể thao và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường (b/c);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, ĐTQLKH&HTQT (C12).



PGS. TS. Nguyễn Văn Phúc

**A - BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-TDTTBN ngày 25 tháng 4 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh)*

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất được xây dựng với mục tiêu phát triển năng lực chuyên môn sâu về Thể dục thể thao kết hợp với kiến thức sư phạm, nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành giáo dục.

Chương trình đào tạo ngành Huấn luyện thể thao được xây dựng với 125 tín chỉ bao gồm 04 khối kiến thức: (1). Kiến thức giáo dục đại cương; (2). Kiến thức cơ sở ngành; (3). Kiến thức ngành; (4). Thực tập nghiệp vụ và Khóa luận tốt nghiệp. Trong các khối kiến thức bao gồm các học phần môn học được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập, hoạt động nhóm; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Sinh viên tốt nghiệp cử nhân TDTT ngành Giáo dục thể chất có đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị. Có kiến thức và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể thao; có năng lực trong công tác tuyển chọn, quản lý quản lý chuyên môn các đội thể thao, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao cấp cơ sở, có kỹ năng và năng lực tổ chức các hoạt động, sự kiện thể dục thể thao phục vụ cộng đồng, hợp tác quốc tế phát triển lĩnh vực thể dục thể thao; Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất có thể trở thành người giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên có năng lực sáng tạo, có khả năng vận dụng những hiểu biết chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế và triển khai ý tưởng đáp ứng được yêu cầu công việc.

2. Thông tin chung

Chương trình	Giáo dục thể chất
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Giáo dục thể chất
Mã ngành	7140206
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	125
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	

Áp dụng từ năm tuyển sinh	2024
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Giáo dục thể chất

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1 Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên trình độ Đại học ngành Giáo dục Thể chất trở thành người giáo viên, giảng viên Giáo dục Thể chất có năng lực giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Làm giáo viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên và trọng tài TDTT trong các trung tâm, các cơ sở TDTT....; làm cán bộ quản lý về lĩnh vực Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao các cấp...; Có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên, giảng viên phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Có ý thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế; có khả năng thích ứng với các môi trường giáo dục; có năng lực tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

3.2 Mục tiêu cụ thể:

Mã mục tiêu	Mô tả
MT1	Có kiến thức cơ sở về lý luận chính trị; Kiến thức đại cương cơ bản; kiến thức cơ sở ngành giáo dục thể chất; kiến thức về khoa học giáo dục cốt lõi; kiến thức chuyên ngành nâng cao.
MT2	Có kỹ năng giảng dạy, huấn luyện, thực hành các môn thể thao; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và giao tiếp bằng ngoại ngữ.
MT3	Có kỹ năng thiết kế, triển khai, vận hành, cải tiến, tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học, hoạt động TDTT trong nhà trường các cấp. Có kỹ năng ứng xử, xử lý tình huống, tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong hoạt động giáo dục.
MT4	Có khả năng hợp tác, làm việc nhóm; khả năng hướng dẫn, giám sát chương trình GDTC trong nhà trường; Có năng lực tự học và rèn luyện suốt đời.
MT5	Tuân thủ hiến pháp và pháp luật; thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc của ngành giáo dục, tuân thủ các quy định về đạo đức nhà giáo.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (không cần chia PLO làm 3 mảng, tuy nhiên khi xác định cần phải xác định có 3 mảng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm và sắp xếp lần lượt theo 3 mảng)

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CDR	Mức theo thang Bloom
PLO1. Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội, và pháp luật vào việc phân tích, giải thích các vấn đề trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDTT.	1.1. Kết hợp được các nguyên tắc và lý thuyết từ các lĩnh vực khoa học tự nhiên. Kinh tế học TDTT, chính sách quản lý nhà nước, tâm lý học, xã hội học và các quy định, luật lệ về thể thao và giáo dục vào quá trình phân tích.	3
	1.2. Sử dụng được các kiến thức này để làm rõ nguyên nhân, bản chất và mối quan hệ giữa các yếu	4

	tổ ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục thể chất và thể dục thể thao.	
	1.3. Đưa ra được các nhận định, lý giải có cơ sở khoa học và thực tiễn, giúp hiểu sâu các hiện tượng, xu hướng, những thách thức và cơ hội trong lĩnh vực giáo dục thể chất và thể dục thể thao.	4
	1.4. Ứng dụng được kiến thức để đề xuất giải pháp, chính sách cải thiện hiệu quả công tác quản lý, tổ chức và phát triển hoạt động thể chất, thể dục thể thao trong bối cảnh của xã hội hiện đại.	4
PLO2. Vận dụng được kiến thức khoa học Giáo dục thể chất, TDDT để đánh giá giải quyết các vấn đề cụ thể trong hoạt động Giáo dục thể chất, TDDT trường học.	2.1. Sử dụng được các kiến thức về tâm lý học thể thao và các phương pháp giảng dạy hiện đại để thiết kế chương trình dạy học và hoạt động thể chất phù hợp với từng đối tượng.	2
	2.2. Tích hợp được các phương pháp giảng dạy sáng tạo dựa trên bằng chứng khoa học, nhằm tăng cường sự tham gia và phát triển thể chất của học sinh, sinh viên.	5
	2.3. Sử dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học để đánh giá, cải tiến và phát triển chương trình giáo dục thể chất theo hướng phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và nhu cầu sức khỏe cộng đồng.	4
	2.4. Vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức và quản lý các hoạt động thể chất tại trường học hoặc trong các chương trình cộng đồng, đảm bảo các hoạt động đó đạt được mục tiêu giáo dục và sức khỏe.	4
PLO3. Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành vào việc giải thích, đánh giá và thực hiện các vấn đề trong hoạt động Giáo dục thể chất, TDDT.	3.1. Áp dụng được các kiến thức cơ bản về y sinh học thể dục thể thao giúp xây dựng chương trình tập luyện hợp lý, cân đối giữa cường độ và thời gian hồi phục.	3
	3.2. Vận dụng được các nguyên tắc về tâm lý thể thao để tạo động lực, quản lý căng thẳng và phát triển tinh thần đồng đội trong môi trường thể thao.	4
	3.3. Áp dụng được các công nghệ hiện đại như (đo lường, phân tích dữ liệu thể thao, ứng dụng di động...) nhằm theo dõi quá trình tập luyện để có điều chỉnh kịp thời, từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy, huấn luyện.	5
PLO4. Vận dụng được kiến thức ngành vào công tác giảng dạy, huấn luyện, hướng dẫn, thực hành các môn thể thao trong hoạt động Giáo dục thể chất, TDDT.	4.1. Sử dụng được kiến thức chuyên ngành để thiết kế các bài tập, chương trình giảng dạy, huấn luyện cân đối giữa cường độ, thời gian và hồi phục, đảm bảo an toàn và hiệu quả học tập, tập luyện.	3
	4.2. Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để phân tích đánh giá hiệu quả các phương pháp giảng dạy, từ đó có thể điều chỉnh cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, huấn luyện.	4
	4.3. Vận dụng được kiến thức môn thể thao chuyên ngành vào công tác giảng dạy, huấn luyện, hướng dẫn và thực hành các môn thể thao. Áp dụng các kiến	5

	thức ngành để kiểm tra đánh giá, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao cấp cơ sở.	
PLO5. Phân tích và đánh giá được các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT và xu hướng phát triển. Dựa vào kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành đề đề xuất giải pháp quản lý, phát triển hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT.	5.1. Phân tích được cách thức vận động, đặc điểm tâm lý, sinh lý và dinh dưỡng tác động đến quá trình học tập và tập luyện của người tham gia.	2
	5.2. Áp dụng được các kỹ chiến thuật vào giảng dạy, huấn luyện. Sử dụng được các tiêu chí định lượng (chỉ số thể lực, kỹ năng vận động), và định tính (nhận xét, phản hồi từ người học, thái độ, tinh thần thể thao..) để đánh giá kết quả hoạt động	5
	5.3. Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành để đề xuất các giải pháp quản lý, phát triển hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT	5
PLO6. Có khả năng triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn.	6.1. Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính hoặc hỗn hợp để thiết kế và khảo sát triển khai các nghiên cứu.	3
	6.2. Sử dụng được các công cụ phân tích số liệu, phần mềm thống kê và kỹ thuật mô hình hóa để đưa ra kết luận chính xác từ dữ liệu thu thập được	4
	6.3. Sử dụng được các công nghệ đo lường và phần mềm phân tích chuyên dụng để thu thập dữ liệu một cách chính xác và nhanh chóng. Từ đó hỗ trợ việc đánh giá kỹ thuật, hiệu quả tập luyện. Từ đó điều chỉnh chương trình giảng dạy và huấn luyện	5
PLO7. Xây dựng được kế hoạch cho các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT chuyên nghiệp và cộng đồng.	7.1. Phân tích được thực trạng, đặt ra được các mục tiêu cụ thể ngắn hạn và dài hạn, xây dựng được lịch trình (thời gian biểu) cho các hoạt động, phân bổ giai đoạn (chuẩn bị, thực hiện, đánh giá)	3
	7.2. Xác định và sắp xếp được nguồn lực cần thiết như (nhân sự, tài chính, trang thiết bị và địa điểm) để xây dựng kế hoạch.	4
	7.3. Xây dựng được bài tập, chương trình giảng dạy, huấn luyện và hoạt động giải trí phù hợp với từng đối tượng. Áp dụng được công nghệ và phần mềm quản lý, theo dõi hiệu quả tập luyện nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo và huấn luyện.	5
PLO8. Tổ chức được các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT phong trào và thi đấu thể thao cấp cơ sở.	8.1. Xác định được mục tiêu và đối tượng tham gia các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT phong trào và thi đấu thể thao cấp cơ sở.	3
	8.2. Xây dựng được kế hoạch tổ chức các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT phong trào và thi đấu thể thao cấp cơ sở (lên lịch trình, chuẩn bị nhân sự, dự trù tài chính và nguồn tài trợ)	4
	8.3. Chuẩn bị được cơ sở vật chất, trang thiết bị và triển khai, tổ chức, thực hiện được các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT phong trào và thi đấu thể thao cấp cơ sở	5
PLO9. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo	9.1. Đọc hiểu các văn bản cơ bản liên quan tới lĩnh vực chuyên môn (đọc hiểu bài báo; thông báo; tài liệu học tập)	2

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	9.2. Viết được văn bản đơn giản như (bài viết ngắn; email hoặc ghi chú với cấu trúc đơn giản)	4
	9.3. Nghe hiểu thông tin cơ bản (hội thoại; thông báo; tin tức hoặc bài giảng ngắn khi sử dụng ngôn ngữ ở tốc độ vừa phải)	4
PLO10. Thực hiện thành thạo kỹ năng tin học cơ bản trong hoạt động chuyên môn.	10.1. Sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng (xử lý văn bản, soạn thảo, chỉnh sửa và định dạng tài liệu trên các phần mềm Microsoft word, Googole docs; Tạo được bài thuyết trình như (Microsoft PowerPoint, Googole Slides)	3
	10.2. Quản lý được thông tin và giao tiếp: (Sử dụng email, lịch trực tuyến và các công cụ giao tiếp; Zoom, team..). Biết cách bảo mật dữ liệu cá nhân và của tổ chức như: sử dụng mật khẩu an toàn và nhận biết các rủi ro từ internet	3
	10.3. Ứng dụng được công nghệ vào quy trình làm việc (sử dụng các phần mềm quản lý công việc)	3
PLO11. Thể hiện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lãnh đạo nhóm một cách hiệu quả, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhóm.	11.1. Làm việc độc lập hiệu quả như: Tự quản lý và lập kế hoạch (biết phân bổ thời gian, xác định mục tiêu cụ thể, mục tiêu ưu tiên trong công việc). Chủ động tìm kiếm thông tin, phân tích và đưa ra giải pháp khi gặp khó khăn. Cập nhật được các kiến thức mới và cải thiện kỹ năng cá nhân qua tự học và phản hồi từ công việc	4
	11.2 Làm việc nhóm hiệu quả: Giao tiếp rõ ràng (chia sẻ các thông tin, ý tưởng một cách minh bạch và lắng nghe quan điểm của các thành viên khác). Phối hợp nhịp nhàng (hợp tác hỗ trợ lẫn nhau, biết phân chia công việc dựa trên thế mạnh của từng người). Giải quyết được xung đột (xử lý mâu thuẫn một cách xây dựng, tìm kiếm giải pháp chung để đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc nhóm)	4
	11.3. Lãnh đạo nhóm hiệu quả: Định hướng và truyền cảm hứng (xác định được mục tiêu chung, truyền đạt tầm nhìn và tạo động lực cho các thành viên). Quản lý và phân công được công việc (phân chia nhiệm vụ phù hợp với khả năng của từng thành viên và theo dõi tiến độ thực hiện). Lắng nghe, khuyến khích sáng tạo và xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở.	5
	11.4. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhóm: Cam kết mục tiêu chung (Chịu trách nhiệm về phần việc của mình và nhận lỗi khi có sai sót, từ đó học hỏi để cải thiện). Tích cực phản hồi và đóng góp ý kiến (chủ động tham gia các cuộc họp đưa ra ý kiến cải thiện quy trình làm việc nhóm). Tinh thần trách nhiệm với nhóm (đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn, chất lượng và luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên hàng đầu)	

PLO12. Nhận thức rõ đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, thể hiện sự phát triển khả năng học tập suốt đời.	12.1. Có đạo đức trong công việc và cuộc sống: Trung thực và chính trực (làm việc trung thực, tuân thủ các quy tắc ứng xử và nguyên tắc đạo đức trong mọi tình huống). Tôn trọng và công bằng (đối xử công bằng với mọi người, biết lắng nghe và chia sẻ một cách cởi mở). Trách nhiệm với hành động của bản thân.	5
	12.2. Có trách nhiệm với nghề nghiệp: Tuân thủ tiêu chuẩn nghề nghiệp (hiểu và áp dụng đúng các quy định, quy tắc nghề nghiệp trong công việc, đảm bảo chất lượng và hiệu quả công việc). Cam kết với chất lượng và hiệu suất (đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cải tiến và tối ưu hóa quy trình làm việc). Chịu trách nhiệm trước kết quả (Khi có sai sót, thất bại, biết nhận lỗi, rút kinh nghiệm đưa ra biện pháp khắc phục để nâng cao hiệu quả công việc trong tương lai)	5
	12.3. Phát triển khả năng học tập suốt đời: Luôn cập nhật các kiến thức (chủ động tìm kiếm và học hỏi các kiến thức mới). Thích ứng với sự thay đổi, chia sẻ và trao đổi kiến thức, kinh nghiệm nhằm phát triển năng lực của cá nhân và của cả tập thể.	4

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần

5.1.Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình (dùng x)

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
MT1	x	x	x			x					x	x
MT 2		x	x	x	x		x	x	x	x		x
MT 3	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x
MT 4	x			x			x	x			x	
MT 5							x				x	x

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Học Phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)											
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			31												
1	Triết học Mác - Lê nin	1ĐC301GHQY	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	1ĐC302GHQY	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1ĐC303GHQY	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	1ĐC305GHQY	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC304GHQY	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
6	Ngoại ngữ 1	1ĐC201GHQY	3	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
	Ngoại ngữ 2	1ĐC202GHQY	3	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
7	Tin học đại cương	1ĐC103GHQY	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	1	0
8	Tâm lý học đại cương	1TL101GHQY	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Giáo dục học đại cương	1TL201GHQY	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Thống kê toán học	1ĐC101GHQY	2	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC106GHQY	2	0	2	2	2	2	3	0	0	0	0	0	0
12	Quản lý hành chính nhà nước	1QL001GHQY	2	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0
13	Pháp luật đại cương	1QL002GHQY	2	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0
14	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	1QP001	3												
	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	1QP002	2												
	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1QP003	1												
	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	1QP004	2												
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			32												
Bắt buộc (28 tín chỉ)															
15	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102GHQY	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202GHQ	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0

17	Sinh lý Thể dục thể thao 1	1YS03GHQY	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	2
	Sinh lý Thể dục thể thao 2	1YS04GHQY	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	2
18	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS02GHQY	2	0	0	2	0	0	0	1	0	0	0	0	2
19	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 1	1LL001GYQ	2	0	0	0	2	3	0	3	2	0	0	0	0
	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 2	1LL002GYQ	2	0	0	0	2	3	0	3	2	0	0	0	0
20	Thể dục thể thao trường học	1LL006G	2	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0
21	Đo lường thể thao	1ĐC102GHQY	2	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0
22	Giao tiếp sư phạm	1TL105G	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Y học Thể dục thể thao	1YS05GHQY	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	2	0
24	Lịch sử Thể dục thể thao	1LL07GHQY	2	0	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0
25	Văn hóa thể thao	1TL204GHQY	2	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0
26	Công tác đoàn đội	1TL203G	2	0	2	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0
Tự chọn (4/10 tín chỉ)															
27	Quản lý thể dục thể thao quần chúng	1QL005GY*	2	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0
28	Khởi nghiệp sáng tạo	1QL003GHQY	2	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0
29	Xã hội học Thể dục thể thao	1QL004GHY	2	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0
30	Vệ sinh Thể dục thể thao	1YS01GHQY*	2	0	0	1	0	0	0	2	0	0	0	2	0
31	Sinh hóa Thể dục thể thao	1YS07GHQ	2	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0
C	Kiến thức ngành		48												
Bắt buộc (42 tín chỉ)															
32	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh	1ĐK009GHQY	2	0	0	0	2	2	0	2	2	0	0	0	0
33	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	1TD009GHQY	2	0	0	0	2	2	0	2	2	0	0	0	0
34	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	1BL009GHQY	2	0	0	0	2	2	0	2	2	0	0	0	0
35	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 1	1(BS,CL,	3	2	2	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2

	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 2	VO,BC,BR,BN, CV,BB,GO,VA, QV,BĐ,ĐK,TD, BL) 001- 008G	3	0	0	3	3	2	0	2	2	0	0	2	3
	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 3		3	0	0	3	3	3	2	3	3	0	0	2	3
	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 4		3	0	0	3	3	3	3	3	3	0	0	3	3
	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 5		3	0	0	3	3	3	3	3	3	0	0	3	3
	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 6		3	0	0	3	3	3	3	3	3	0	0	3	3
	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 7		3	0	0	3	3	3	3	3	3	0	0	3	3
	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 8		3	0	0	3	3	3	3	3	3	0	0	3	3
36	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	1BĐ009GHQY	2	0	0	2	0	0	0	2	2	0	0	2	3
37	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	1BC009GQY	2	0	0	2	0	0	0	2	2	0	0	2	3
38	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	1BR009GHQY	2	0	0	2	0	0	0	2	2	0	0	2	3
39	Lý luận và phương pháp giảng dạy cờ vua	1CV009G	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	2
40	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	1GO009GQY	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2
41	Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động	1BN010HG	2	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	2	2
Tự chọn (6/14 tín chỉ)															
42	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng Ném	1BN009G*	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	2

43	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	1BB009GQY	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	2
44	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	1VO009GQY*	2	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	2	3
45	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	1VJ009GQY	2	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	2	3
46	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	1QV009GQY	2	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	2	3
47	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	1CL009GQY*	2	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	2	3
48	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	1BS009GQY	2	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	2	3
IV. THỰC TẬP NGHIỆP VỤ VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP															
49	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001	3	3	3	3	3	3	0	0	3	0	0	3	3
50	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002	5	3	3	3	3	3	0	0	3	0	0	3	3
51	Khóa luận tốt nghiệp	1LV001	6	3	3	3	3	3	0	0	3	0	0	3	3
HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN THAY THẾ															
52	Học phần chuyên môn thay thế 1: Lý luận TT	1LL008GQY	3	2	2	2	2	2	0	0	0	0	0	2	3
53	Học phần chuyên môn thay thế 2: Y học TT	1YS010GHY	3	0	0	0	2	2	2	2	0	0	0	2	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của HP và PLO được xác định cụ thể:

0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp ít; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao

6. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao:

6.1. Cơ hội việc làm:

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng trở thành người giáo viên, giảng viên Giáo dục thể chất có năng lực giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Làm giáo viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên và trọng tài TDTT trong các trung tâm, các cơ sở TDTT....; Làm cán bộ quản lý về lĩnh vực Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao các cấp...

6.2. Khả năng học tập nâng cao:

- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) thuộc đúng chuyên ngành hoặc học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường đào tạo phù hợp.

7. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

7.1 Tiêu chí tuyển sinh

Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương phù hợp với quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo quy định tuyển sinh và đề án tuyển sinh của Trường, Hội đồng Trường đề xuất, quyết định và công bố chỉ tiêu, ngưỡng điểm đủ điều kiện trúng tuyển theo các phương thức xét tuyển được xây dựng trong quy định đề án tuyển sinh của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

7.2. Quy trình đào tạo:

- Thời gian đào tạo: 4 năm gồm 8 học kỳ, với tổng số 2730 giờ, bao gồm thời gian thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, mỗi năm gồm 2 học kỳ.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ (TC), chưa kể nội dung về Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

7.3. Điều kiện tốt nghiệp:

- Về nhân cách: Đến thời điểm xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn trường trở lên.

- Về học lực: Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình. Điểm trung bình chung học tập đạt từ 1.0 (điểm D) trở lên.

- Về đẳng cấp: Môn thể thao chuyên ngành đạt đẳng cấp tương đương II và 02 môn thể thao không chuyên đạt đẳng cấp III.

- Sinh viên thi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được công nhận và cấp bằng Cử nhân Giáo dục thể chất

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Chương trình giảng dạy được chia thành 4 khối kiến thức: giáo dục đại cương kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp.

Trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ tương ứng theo bảng sau:

TT	Thành phần	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	31	0
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	28	04
3	Khối kiến thức ngành	42	06
4	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp	14	0
	Tổng	115	10
		125	

- **Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31** tín chỉ
- **Khối kiến thức cơ sở ngành: 32** Tín chỉ (bắt buộc: 28 tín chỉ, tự chọn 04 tín chỉ)
- **Khối kiến thức ngành 48** Tín chỉ (bắt buộc: 42 tín chỉ, tự chọn 06 tín chỉ)
- **Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp 14** Tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Tín chỉ	Số Tiết	Phân bổ giờ lên lớp			Mã HP tiên quyết	Mã HP học trước	Mã HP song hành	HK thực hiện
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			31	480							
1	1ĐC301GHQY	Triết học Mác - Lê nin	3	45	45						1
2	1ĐC302GHQY	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	30						2
3	1ĐC303GHQY	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30						2
4	1ĐC305GHQY	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30						3
5	1ĐC304GHQY	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30						3
6	1ĐC201GHQY	Ngoại ngữ 1	3	45	45						1
	1ĐC202GHQY	Ngoại ngữ 2	3	45	45			1ĐC201	1ĐC201		2
7	1ĐC103GHQY	Tin học đại cương	2	45	15	30					5
8	1TL101GHQY	Tâm lý học đại cương	2	30	30						3
9	1TL201GHQY	Giáo dục học đại cương	2	30	30						4
10	1ĐC101GHQY	Thống kê toán học	2	30	30						3
11	1ĐC106GHQY	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30			1ĐC101			4
12	1QL001GHQY	Quản lý hành chính nhà nước	2	30	30						4
13	1QL002GHQY	Pháp luật đại cương	2	30	30						5
14	1QP001	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	3	45	45						2
	1QP002	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	2	30	30			1QP001			2
	1QP003	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1	30	30			1QP002			2
	1QP004	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	2	60		60		1QP003			2
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			32	495							
Bắt buộc											
1	1TL102GHQY	Tâm lý học Thể dục thể thao	2	30	30						5
2	1TL202GHQ	Giáo dục học Thể dục thể thao	2	30	30						6
3	1YS03GHQY	Sinh lý Thể dục thể thao 1	2	30	30						5
	1YS04GHQY	Sinh lý Thể dục thể thao 2	2	30	30						
4	1YS02GHQY	Giải phẫu Thể dục thể thao	2	30	30						6

5	1LL001GYQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 1	2	30	30						2
	1LL002GYQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 2	2	30	30						
6	1LL006G	Thể dục thể thao trường học	2	30	30						5
7	1ĐC102GHQY	Đo lường thể thao	2	30	30						6
8	1TL105G	Giao tiếp sư phạm	2	30	30						7
9	1YS05GHQY	Y học Thể dục thể thao	2	45	15	30					4
10	1LL07GHQY	Lịch sử Thể dục thể thao	2	30	30						4
11	1TL204GHQY	Văn hóa thể thao	2	30	30						7
12	1TL203G	Công tác đoàn đội	2	30	30						8
Tự chọn (4/14 tín chỉ)											
13	1QL005GY*	Quản lý TDTT quần chúng	2*	30	30						7
14	1QL003GHQY	Khởi nghiệp sáng tạo	2	30							4
15	1QL004GHY	Xã hội học Thể dục thể thao	2	30							
16	1YS01GHQY*	Vệ sinh Thể dục thể thao	2*	30	30						1
17	1YS07GHQ	Sinh hóa Thể dục thể thao	2	30							
III. KIẾN THỨC NGÀNH:			48	1185							
Bắt buộc											
1	1ĐK009GHQY	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh	2	60		60					1
2	1TD009GHQY	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục	2	60		60					2
3	1BL009GHQY	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội	2	60		60					3
4	1001G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 1	3	75	15	60					1
	1002G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 2	3	75	15	60		1001G	1001G		2

	1003G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 3	3	75	15	60		1002G	1002G		3
	1004G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 4	3	75	15	60		1003G	1003G		4
	1005G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 5	3	75	15	60		1004G	1004G		5
	1006G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 6	3	75	15	60		1005G	1005G		6
	1007G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 7	3	75	15	60		1006G	1006G		7
	1008G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 8	3	75	15	60		1007G	1007G		8
5	1BD009GHQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	2	45	120	480					5
6	1BC009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	2	45	15	30					6
7	1BR009GHQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	2	45	15	30					8
8	1CV009G	Lý luận và phương pháp giảng dạy cờ vua	2	45	15	30					4
9	1GO009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	2	45	15	30					5
11	1BN010HG	Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động	2	45	15	30					2
Tự chọn 6/14 tín chỉ											
12	1BN009G*	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng Ném	2*	45	15	30					7
13	1BB009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	2	45							8
14	1VO009GQY*	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	2*	45	15	30					6
15	1VJ009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	2	45							5

16	1QV009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	2	45							7
17	1CL009GQY*	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	2*	45	15	30					4
18	1BS009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	2	45							7
IV. THỰC TẬP NGHIỆP VỤ VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP			14	630							
1	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1	3	135							5
2	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	5	225				1TT001	1TT001		7
3	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp	6	270							
		HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN THAY THỂ									
1	1LL008GQY	Học phần chuyên môn thay thế 1: Lý luận TT	3	135							8
2	1YS010GHY	Học phần chuyên môn thay thế 2: Y học TT	3	135							8
		Tổng cộng	125	2790							

3. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã HP	Học phần	Mã HP tiên quyết	Số giờ	Số T C	Số giờ trong học kỳ							
						HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				465	31								
1	1ĐC301GHQY	Triết học Mác - Lê nin		45	3	45							
2	1ĐC302GHQY	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		30	2		30						
3	1ĐC303GHQY	Chủ nghĩa xã hội khoa học		30	2		30						
4	1ĐC305GHQY	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		30	2			30					

5	1ĐC304GHQY	Tư tưởng Hồ Chí Minh		30	2			30					
6	1ĐC201GHQY	Ngoại ngữ 1		45	3	45							
	1ĐC202GHQY	Ngoại ngữ 2	1ĐC201	45	3		45						
7	1ĐC103GHQY	Tin học đại cương		45	2			45					
8	1TL101GHQY	Tâm lý học đại cương		30	2			30					
9	1TL201GHQY	Giáo dục học đại cương		30	2				30				
10	1ĐC101GHQY	Thống kê toán học		30	2			30					
11	1ĐC106GHQY	Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐC102	30	2				30				
12	1QL001GHQY	Quản lý hành chính nhà nước		30	2				30				
13	1QL002GHQY	Pháp luật đại cương		30	2		30						
14	1QP001	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1		45	3	45							
	1QP002	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	1QP001	30	2	30							
	1QP003	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1QP002	30	1	30							
	1QP004	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	1QP003	60	2	60							
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH				495	32								
Bắt buộc				240	15								
1	1TL102GHQY	Tâm lý học Thể dục thể thao		30	2				30				
2	1TL202GHQ	Giáo dục học Thể dục thể thao		30	2					30			
3	1YS03GHQY	Sinh lý Thể dục thể thao 1		30	2				30				
	1YS04GHQY	Sinh lý Thể dục thể thao 2	1YS301	30	2					30			
4	1YS02GHQY	Giải phẫu Thể dục thể thao		30	2		30						

5	1LL001GYQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 1		30	2					30			
	1LL002GYQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 2	1LL001GYQ	30	2						30		
6	1LL006G	Thể dục thể thao trường học		30	2							30	
7	1ĐC102GHQY	Đo lường thể thao		30	2				30				
8	1TL105G	Giao tiếp sư phạm		30	2				30				
9	1YS05GHQY	Y học Thể dục thể thao		45	2							45	
10	1LL07GHQY	Lịch sử Thể dục thể thao		30	3								30
11	1TL204GHQY	Văn hóa thể thao		30	2					30			
12	1TL203G	Công tác đoàn đội		30	2			30					
Tự chọn (4/14 tín chỉ)													
13	1QL005GY*	Quản lý TDTT quần chúng		30	2*							30	
14	1QL003GHQY	Khởi nghiệp sáng tạo		30									
15	1QL004GHY	Xã hội học Thể dục thể thao		30	2								
16	1YS01GHQY*	Vệ sinh Thể dục thể thao		30	2*	30							
17	1YS07GHQ	Sinh hóa Thể dục thể thao		30									
III. KIẾN THỨC NGÀNH:				1185	48								
Bắt buộc				780	30								
1	1ĐK009GHQY	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh		60	2	60							
2	1TD009GHQY	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục		60	2		60						
3	1BL009GHQY	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội		60	2			60					

4	1001G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 1		75	3	75							
5	1002G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 2	1001G	75	3		75						
6	1003G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 3	1002G	75	3			75					
7	1004G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 4	1003G	75	3				75				
8	1005G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 5	1004G	75	3					75			
9	1006G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 6	1005G	75	3						75		
10	1007G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 7	1006G	75	3							75	
11	1008G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 8	1007G	75	3								75
12	1BD009GHQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá		45	2					45			
13	1BC009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền		45	2						45		
14	1BR009GHQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ		45	2								45
15	1CV009G	Lý luận và phương pháp giảng dạy cờ vua		45	2				45				
16	1GO009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf		45	2					45			
17	1BN010HG	Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động		45	2		45						
Tự chọn 6/14 tín chỉ													
18	1BN009G*	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng Ném		45	2*							45	

19	1BB009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn		45									
20	1VO009GQY*	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ		45	2*						45		
21	1VJ009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật		45									
22	1QV009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt		45									
23	1CL009GQY*	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông		45	2*				45				
24	1BS009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng		45									
IV. THỰC TẬP NGHIỆP VỤ VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP				630	14								
1	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1		135	3					135			
2	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT001	225	5							225	
3	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp		270	6								270
HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN THAY THẾ													
1	1LL008GQY	Học phần chuyên môn thay thế 1: Lý luận TT		135	3								135
2	1YS010GHY	Học phần chuyên môn thay thế 2: Y học TT		135	3								135
	Tổng cộng			2790	125	255	345	330	315	420	255	450	420

4. Mô tả tóm tắt các học phần

4.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (mô tả từng HP)

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	1ĐC301 GHQY	Triết học Mác - Lê nin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác - Lênin bao gồm: Triết học vào vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Cơ bản
2	1ĐC302 GHQY	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Cơ bản
3	1ĐC303 GHQY	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Cơ bản
4	1ĐC305 GHQY	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình	Khoa Cơ bản

				Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	
5	1ĐC304 GHQY	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Cơ bản
6	1ĐC201 GHQY	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Cơ bản
	1ĐC202 GHQY	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch,	Khoa Cơ bản

				thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
7	1ĐC103 GHQY	Tin học đại cương	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Cơ bản
8	1TL101 GHQY	Tâm lý học đại cương	2	Nội dung môn học trang bị cho người học tri thức cơ bản về các lý thuyết phát triển tâm lý học sinh, cơ sở tâm lý trong dạy học và giáo dục và những đặc trưng lao động sư phạm, cấu trúc nhân cách của người giáo viên nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở ngành sư phạm nhằm chuẩn bị cho sinh viên tham gia vào quá trình kiến tập và thực tập sư phạm và làm cơ sở cho việc rèn luyện nhân cách người giáo viên các kỹ năng sư phạm trong các học kỳ tiếp theo.	Khoa Cơ bản
9	1TL201 GHQY	Giáo dục học đại cương	2	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức về chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, các con đường và nguyên lý giáo dục; hệ thống kiến thức chung về dạy học như: Quá trình dạy học, quy luật và nguyên tắc dạy học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; hệ thống kiến thức chung về giáo dục hạnh kiểm cho học sinh như: Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục.	Khoa Cơ bản
10	1ĐC101 GHQY	Thống kê toán học	2	- Thống kê và vai trò của nó trong Thể dục Thể thao, thống kê mô tả, thống kê phân tích. - Cách sắp xếp và trình bày số liệu trong nghiên cứu khoa học TDTT, tổ chức quản lý, giảng dạy, huấn luyện, thi đấu... một cách rõ ràng, ngắn gọn và có hệ thống.	Khoa Cơ bản

				- Các đặc trưng về định vị, độ tản mạn, tính không cân đối của phân bố thực nghiệm và những tham số có ý nghĩa thực tiễn. - Ước lượng số trung bình cho tổng thể từ tập hợp mẫu, ảnh hưởng của mẫu. - Phương pháp so sánh hai số trung bình quan sát, phương pháp so sánh một số trung bình quan sát với một số trung bình lý thuyết, phương pháp số liệu từng cặp. - Nghiên cứu các mối phụ thuộc xác suất giữa các đại lượng ngẫu nhiên, mối liên quan giữa các dấu hiệu với nhau.	
11	1ĐC106 GHQY	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học TĐTT là một môn học bắt buộc dành cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất nhằm trang bị cho sinh viên một hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học TĐTT; bước đầu biết tiến hành nghiên cứu một đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của giáo viên; biết vận dụng một vài phương pháp nghiên cứu thường dùng để thu thập và xử lý thông tin; có khả năng viết và trình bày một bản luận văn khoa học đơn giản theo đúng trình tự qui định. Qua đó hình thành cho họ kỹ năng vận dụng các kiến thức khoa học TĐTT vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy để nâng cao thành tích chuyên môn. Đồng thời góp phần hình thành thế giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan khoa học trong công tác sau này.	Khoa Cơ bản
12	1QL001 GHQY	Quản lý hành chính nhà nước	2	Quản lý hành chính nhà nước là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo bậc đại học. Đây là môn học thuộc khối kiến thức đại cương của chương trình đào tạo cử nhân TĐTT. Sau 30 tiết học môn học Quản lý hành chính nhà nước sẽ nghiên cứu các vấn đề về nhà nước và hành chính nhà nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam như cách thức tổ chức bộ máy nhà nước, các đặc điểm của Quản lý hành chính nhà nước, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động mà các chủ thể hành chính nhà nước phải tuân theo, các vấn đề về nền hành chính, các phương pháp hành chính..., đồng thời sẽ tìm hiểu được quản lý hành chính nhà nước đối với các lĩnh vực cơ bản ở Việt Nam hiện nay.	Khoa Quản lý TĐTT

13	1QL002 GHQY	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	
14	1QP001	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	3	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
	1QP002	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

	1QP003	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tấn công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
	1QP004	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm giới thiệu cho người học về lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

4.2. Khối kiến thức cơ sở ngành:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	1TL102 GHQY	Tâm lý học Thể dục thể thao	2	Tâm lý học thể dục thể thao là một chuyên ngành của Tâm lý học nghiên cứu các quy luật và hiện tượng tâm lý của con người trong hoạt động thể dục thể thao. Trong đào tạo trình độ đại học, ngành GDTC. Học phần TLH TDDT bao gồm các nội dung chính: Những vấn đề chung của Tâm lý học TDDT, đặc điểm tâm lý của hoạt động TDDT, đặc điểm tâm lý thi đấu thể thao, cơ sở tâm lý học của hoạt động giảng dạy, huấn luyện thể thao, huấn luyện tâm lý cho vận động viên thể thao và nhân cách người GV, HLV thể dục thể thao.	Khoa Cơ bản
2	1TL202 GHQ	Giáo dục học Thể dục thể thao	2	Giáo dục học TDDT là môn học bắt buộc được giảng dạy cho sinh viên hệ đại học chính quy ở trường đại học TDDT BN. Môn học cung cấp, trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức, kỹ năng cơ bản & giáo dục tình yêu nghề nghiệp (yêu nghề dạy học), có ý thức trách nhiệm trong học tập & rèn luyện.	Khoa Cơ bản
3	1YS03G HQY 1YS04G HQY	Sinh lý Thể dục thể thao 1;2	4	Nội dung chính được giảng dạy cho người học: Sinh lý hệ máu (chức năng của máu, chức năng của hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu), sinh lý hệ tuần hoàn (sự hoạt động của tim và sự vận hành máu trong hệ mạch kín), sinh lý hệ hô hấp (các quá trình trao đổi khí giữa không khí bên ngoài với phổi và quá trình	Khoa Y sinh học TDDT

				trao đổi khí giữa máu và tế bào, sinh lý hệ tiêu hóa (quá trình cung cấp các chất dinh dưỡng cho cơ thể tồn tại và phát triển), sinh lý chuyển hóa các chất (quá trình đốt cháy các chất đường, đạm, mỡ cung cấp năng lượng cho cơ thể vận động), sinh lý bài tiết (quá trình đào thải các chất cặn bã ra khỏi cơ thể), sinh lý nội tiết (sự ảnh hưởng của các hormone đến sự vận hành của cơ thể), sinh lý thần kinh cơ và sinh lý hệ cảm giác (sự vận hành co duỗi của cơ bắp và vai trò của cảm giác trong sự co duỗi cơ bắp), sinh lý hệ thần kinh trung ương và sinh lý các phần khác nhau của hệ thần kinh (quá trình hình thành các phản xạ có điều kiện, quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động). Đặc điểm sinh lý bài tập thể thao có chu kỳ, có kỳ biến đổi, hoạt động không có chu kỳ thay đổi, đặc điểm sinh lý của hoạt động tĩnh lực, đặc điểm sinh lý hoạt động động tính. Đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt động thể dục thể thao	
4	1YS02G HQY	Giải phẫu Thể dục thể thao	2	Giải phẫu TDTT là môn khoa học nghiên cứu ảnh hưởng của tập luyện thể dục thể thao đối với đặc điểm hình thái và cấu tạo cũng như quy luật phát triển của con người. Môn học Giải phẫu TDTT là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, tập trung vào nghiên cứu cấu trúc cơ thể người liên quan đến vận động và hoạt động thể thao. Nội dung chủ yếu tìm hiểu cấu tạo, chức năng của hệ xương, hệ cơ, khớp của cơ thể người và vai trò của các hệ này trong vận động, đây là bộ phận kiến thức cần thiết cho việc phân tích kỹ thuật bài tập thể chất cũng như cho việc tiếp thu các kiến thức các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành. Bên cạnh đó tìm hiểu cấu trúc và hoạt động của tim, phổi và mạch máu trong điều kiện vận động thể thao, cũng như cơ chế điều khiển vận động và phản xạ trong hoạt động thể chất. Trên cơ sở đó phân tích động tác, phòng tránh chấn thương và cải thiện hiệu suất vận động. Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản, cần thiết để sinh viên tiếp thu các kiến thức chuyên môn: Sinh lý TDTT, Sinh hóa TDTT, Y học TDTT, v.v...	Khoa Y sinh học TDTT
5	1LL001 GYQ	Lý luận và phương	2	Lý luận và phương pháp GDTC là môn khoa học về các quy luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực TDTT. Nó chiếm	Khoa KT&KNC SN

		pháp Giáo dục thể chất 1		vị trí ưu thế trong hệ thống kiến thức chuyên ngành TDTT, có vai trò quan trọng trong đào tạo giáo viên GDTC các cấp. Lý luận và phương pháp GDTC có vai trò quan trọng, trang bị những tri thức cơ bản giúp cho sinh viên có những hiểu biết về bản chất các khái niệm, phương tiện, phương pháp và những nguyên tắc trong lĩnh vực TDTT nói chung và giáo dục thể chất nói riêng. Đó cũng là những tri thức nền tảng để họ tiếp thu tốt nội dung tri thức trong nhà trường	
	1LL002 GYQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 2	2	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 2 là môn khoa học về các quy luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực giáo dục thể chất. Nó chiếm vị trí ưu thế trong hệ thống kiến thức chuyên ngành TDTT. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất có vai trò quan trọng, trang bị những tri thức chuyên ngành giúp sinh viên biết vận dụng các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc... vào thực tiễn công tác giáo dục thể chất một cách khoa học. Đó cũng là những tri thức không thể thiếu trong đào tạo cán bộ giáo viên trình độ đại học thuộc ngành giáo dục thể chất	Khoa KT&KNC SN
6	1LL006 G	TDTT trường học	2		
7	1ĐC102 GHQY	Đo lường thể thao	2	Học phần "Đo lường Thể thao" cung cấp kiến thức cơ bản về các phương pháp đo lường, đánh giá thành tích và hiệu quả trong hoạt động thể dục thể thao. Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hành các công cụ đo lường, phân tích dữ liệu và áp dụng vào quá trình tập luyện, huấn luyện, giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDTT.	Khoa Cơ bản
8	1TL105 G	Giao tiếp sư phạm	2	Giao tiếp sư phạm là vấn đề cơ bản trong cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục. Đó là một vấn đề thuộc về kỹ năng, nghiệp vụ đối với mỗi nhà giáo và cũng là một vấn đề mới mẻ, cách tiếp cận mới mẻ đối với sinh viên sư phạm và sinh viên theo học tập nghiệp vụ giảng dạy. Nội dung chủ yếu của học phần nhằm cung cấp những kiến thức bước đầu nhưng cơ bản nhất trong việc học tập nghiệp vụ của sinh viên. Trong ba nội dung học tập đó, sinh viên có được cái nhìn đúng đắn và sâu sắc hơn với nghề nghiệp mà mình lựa chọn, giúp cho sinh viên sư phạm cũng như sinh viên ngành giáo dục thể chất có đủ tự tin vào bản thân mình trong công tác giảng dạy sau này.	Khoa Cơ bản

9	1YS05G HQY	Y học Thể dục thể thao	2	Y học TDTT là môn học nằm trong các môn Y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong CTĐT cử nhân ngành GDTC. Y học TDTT là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về y học TDTT bao gồm: kiểm tra y học TDTT, chấn thương và các bệnh lý thường gặp trong hoạt động thể dục thể thao, các trường hợp cấp cứu, phương pháp phòng ngừa và xử lý một số trường hợp cấp cứu thường gặp.	Khoa Y sinh học TDTT
10	1LL07G HQY	Lịch sử Thể dục thể thao	3	- Sự phát triển TDTT ở thời kỳ Cổ đại và thời kỳ Trung thế kỷ, TDTT thời kỳ Phục Hưng, TDTT thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước và sau hai cuộc Đại chiến thế giới I và II - Phong trào Olympic hiện đại, tổ chức và hoạt động ủy ban Olympic quốc tế và các liên đoàn thể thao quốc tế, các tổ chức TDTT châu lục, khu vực ... - Sự phát triển TDTT ở nước ta trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945. - Sự phát triển TDTT ở nước ta trong thời kỳ đấu tranh thống nhất đất nước và xây dựng CNXH (1955 - 1975) - Sự phát triển TDTT ở nước ta sau khi thống nhất đất nước, thời kỳ đổi mới và phát triển đất nước đến nay. - Ủy ban Olympic Việt Nam. Các Liên đoàn và tổ chức xã hội về thể thao.	Khoa KT&KN CSN
11	1TL204 GHQY	Văn hóa thể thao	2	Học phần Văn hóa thể thao trong chương trình đào tạo đại học ngành GDTC được trình bày qua 4 chương gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về văn hóa và văn hóa thể thao như khái niệm, đặc điểm, vai trò, các yếu tố tác động... những yếu tố cấu thành nên văn hóa thể thao đó là triết lý thể thao, luật lệ thể thao, đạo đức thể thao và những biểu hiện của văn hóa thể thao trong đó có bao gồm nhân cách văn hóa của các chủ thể trong hoạt động thể thao và văn hóa thể thao trong các hoạt động cụ thể; Văn hóa thể thao quốc tế và văn hóa thể thao Việt Nam; Xác định những vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục văn hóa thể thao cho vận động viên thể thao. Các nội dung	Khoa Cơ bản

				trên chương trên được thể hiện bằng các hình thức diễn giải, phân tích kết hợp với một số hình ảnh minh họa. Cuối mỗi chương đều có phần tóm lược và câu hỏi ôn tập nhằm giúp người học củng cố lại và phát triển các kiến thức đã học.	
12	1TL203 G	Công tác đoàn đội	2	Chương trình Công tác đoàn đội nhằm trang bị cho người học: phát huy hết tính tích cực trong quá trình học tập của người học, giúp người học phát triển tư duy và chuyên môn một cách phù hợp với trình độ học tập. Qua quá trình học môn Công tác đoàn đội giúp cho người học củng cố và phát triển những tố chất cần thiết riêng biệt tùy vào mục đích của người hướng dẫn, góp phần hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho cuộc sống	
13	1QL005 GY*	Quản lý TDDT quần chúng	2*	Quản lý thể dục thể thao quần chúng là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân thể dục thể thao ngành giáo dục thể chất. Đây là học phần thuộc khối kiến thức các môn cơ sở và kiến thức chuyên môn, học phần nghiên cứu những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý thể dục thể thao, đồng thời tìm hiểu những vấn đề cơ bản về quản lý lĩnh vực thể dục thể thao quần chúng.	Khoa QL TDDT
14	1QL003 GHQY	Khởi nghiệp sáng tạo		Khởi nghiệp - sáng tạo là học phần tự chọn thuộc phần kiến thức cơ sở ngành của tất cả các chương trình đào tạo tại Trường Đại học TDDT Bắc Ninh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng và kỹ năng thiết yếu về tư duy khởi nghiệp, tư duy sáng tạo, đổi mới và xây dựng mô hình kinh doanh. Thông qua 4 chương học, sinh viên được tiếp cận các khái niệm cơ bản về khởi nghiệp, kỹ năng tư duy sáng tạo, các công cụ đổi mới hiệu quả, và cách thiết kế cũng như đổi mới mô hình kinh doanh trong lĩnh vực TDDT. Ngoài việc học lý thuyết, học phần còn khuyến khích sinh viên phát triển tinh thần doanh nhân, khả năng kiến tạo giá trị, và vận dụng kiến thức vào thực hành qua các tình huống mô phỏng, thảo luận nhóm và dự án nhỏ. Học phần là nền tảng để sinh viên bước đầu hình thành ý tưởng khởi nghiệp phù hợp với lĩnh	Khoa QL TDDT

				vực chuyên môn và bối cảnh thực tiễn hiện nay của TĐTT.	
15	1QL004 GHY	Xã hội học Thể dục thể thao	2	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp sinh viên nắm, hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học xã hội, những mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa Thể dục thể thao với các môn khoa học xã hội khác, để có thể nắm hiểu các quy luật vận động của xã hội tác động tới lĩnh vực thể dục thể thao, từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác học tập, làm việc trong lĩnh vực thể dục thể thao sau này.	Khoa QL TĐTT
16	1YS01G HQY*	Vệ sinh Thể dục thể thao	2*	Nội dung chính của môn học bao gồm các vấn đề sau: - Những kiến thức chung nhất về vệ sinh học, bản chất của vệ sinh học, đối tượng nghiên cứu của vệ sinh học là ai? và nhiệm vụ của vệ sinh học là gì?... - Những kiến thức khoa học thường thức về vệ sinh cá nhân như: vệ sinh da, vệ sinh trang phục, vệ sinh răng miệng, vệ sinh tai mũi họng, vệ sinh mắt, vệ sinh giấc ngủ, một số điểm vệ sinh đối với nữ giới. - Những kiến thức khoa học về dinh dưỡng như: Vai trò, nhu cầu của các chất dinh dưỡng, khẩu phần, nhu cầu năng lượng, áp dụng thực hành các tiêu chuẩn dinh dưỡng. - Những kiến thức khoa học về vệ sinh môi trường như: vệ sinh môi trường không khí, vệ sinh môi trường đất, vệ sinh môi trường nước. - Những kiến thức khoa học về vệ sinh trường học như: Vệ sinh cơ sở học tập và trang bị nhà trường phổ thông, phòng chống một số bệnh học đường (bệnh cong vẹo cột sống, bệnh cận thị...). - Những kiến thức khoa học về vệ sinh TĐTT như: Một số nguyên tắc cơ bản, một số nguyên tắc chung trong tập luyện và thi đấu TĐTT, nguyên tắc vệ sinh trong tập luyện và thi đấu một số môn TĐTT,...	Khoa Y sinh học TĐTT
17	1YS07G HQ	Sinh hóa Thể dục thể thao		- Sinh hóa thể dục thể thao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học, quá trình chuyển hóa của chất và năng lượng trong cơ thể sống, cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hóa và chức năng trong cơ thể.	

				- Xúc tác sinh học, vai trò của xúc tác sinh học đối với quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể và đặc điểm vai trò của enzym, vitamin, hormone. - Đặc điểm, vai trò sinh học, phân loại và chuyển hóa gluxit, lipit, protein trong cơ thể. - Tái tổng hợp ATP trong hoạt động cơ với cường độ và thời gian khác nhau. - Các quy luật sinh hóa của quá trình giáo dục thể chất - Cơ sở sinh hóa của sự phát triển các tổ chức thể lực - Sức mạnh tốc độ và sức bền	
--	--	--	--	---	--

4.3. Khối kiến thức ngành

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	1ĐK009GHQY	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh	2	Học phần lý thuyết: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử môn học, vị trí tác dụng của môn học điền kinh trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý kỹ thuật các môn điền kinh cơ bản, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, tổ chức huấn luyện giảng dạy môn học, cách thức tổ chức trọng tài thi đấu. Các học phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của một số môn học (Kỹ thuật môn chạy cự ly trung bình và dài; Kỹ thuật ném bóng, ném lựu đạn; Kỹ thuật chạy cự ly ngắn; Kỹ thuật nhảy xa kiểu uốn thân; Kỹ thuật nhảy cao úp bụng; Kỹ thuật đẩy tạ Lung hướng ném), chiến thuật, các bài tập phát triển thể lực, phương pháp trọng tài và thi đấu; các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập; các phương pháp tổ chức giảng dạy - huấn luyện môn điền kinh	Khoa KT&K NCSN
2	1TD009GHQY	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục	2	- Nhập môn phổ tu thể dục, sinh hoạt các vấn đề cần thiết khi học môn phổ tu thể dục, sinh hoạt về quy chế học tập cho sinh viên, các yêu cầu về trang phục, cách tổ chức lớp học và các nghi thức giao tiếp trong buổi học.. - Giảng dạy về nguồn gốc lịch sử thể dục. - Thể dục trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. - Thể dục trang bị sức khỏe cho mọi đối tượng tập luyện.	Khoa KT&K NCSN

				- Phòng ngừa chấn thương và bảo hiểm giúp đỡ trong tập luyện thể dục. - Đặc điểm các nguyên tắc và phương pháp thể dục. - Giảng dạy bài thể dục phát triển chung. - Giảng dạy bài thể dục nhịp điệu với nhạc tự chọn. - Giảng dạy đội hình đội ngũ. - Giảng dạy bài thể dục đồng diễn. - Giảng dạy bài thể dục nhào lộn tự do cho nam và nữ.	
3	1BL009GHQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	Chương trình môn học Bơi lội nhằm trang bị cho người học: phát huy hết tính tích cực trong quá trình học tập của người học, giúp người học phát triển thể lực chung và chuyên môn một cách phù hợp với trình độ tập luyện. Qua quá trình học bơi giúp cho người tập có chức năng hệ thống tuần hoàn và hệ hô hấp được cải thiện, mà còn có thể làm cho sức mạnh, sức bền, sức dẻo, tính nhịp điệu cơ thể được phát triển. Tập luyện bơi lội giúp các em phát triển ý chí, lòng dũng cảm, tinh thần vượt khó khăn, tính kiên trì, ý thức tổ chức kỷ luật và phẩm chất tâm lý khác. Tự giải thoát mình trong trường hợp rơi xuống nước.	Khoa KT&K NCSN
4	1001G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 1	3	Học phần một trang bị cho người học kiến thức chuyên môn cơ bản của môn TTCN. Giúp người học biết được một số điều luật cơ bản của môn TTCN, người học có các kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các kỹ thuật. Học xong học phần 1 người học có thể làm hướng dẫn viên môn TTCN ở bậc tiểu học và THCS. Hướng dẫn các kỹ thuật cơ bản cho người mới tập luyện.	Khoa GDTC
	1002G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 2	3	Học phần 2 trang bị cho người học kiến thức chuyên môn cơ bản của môn TTCN. Giúp người học biết được một số điều luật cơ bản của môn TTCN, người học có các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các kỹ thuật. Học xong học phần này người học có thể làm hướng dẫn viên môn TTCN ở bậc tiểu học và THCS. Hướng dẫn các kỹ thuật cơ bản cho người mới tập luyện.	Khoa GDTC
	1003G	Lý luận và phương pháp giảng	3	Học phần 3 là học phần nâng cao hơn kiến thức chuyên môn. Bổ sung thêm các điều luật điều hành trận đấu, nâng cao kỹ thuật chuyên môn cá nhân. Giúp người học nâng cao khả năng thực hiện lý thuyết động tác cá nhân. Sau khi học	Khoa GDTC

	dạy thể thao chuyên ngành 3		xong học phần này, người học có thể làm làm hướng dẫn viên môn TTCN ở các trung tâm huấn luyện TDTT của các sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
1004G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 4	3	Học phần 4 củng cố và nâng cao hơn kiến thức chuyên môn như: Phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp giảng dạy, huấn luyện. Nâng cao kỹ thuật cá nhân, giúp người học hoàn thiện kiến thức và kỹ năng, kỹ xảo vận động. Sử dụng kỹ thuật, chiến thuật thuần thục, có khả năng tổ chức điều hành các trận đấu. Có thể làm huấn luyện viên môn TTCN ở các trung tâm TDTT cấp tỉnh, giảng dạy môn TTCN ở các cơ sở giáo dục cho bậc (tiểu học, THCS, THPT).	Khoa GDTC
1005G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 5	3	Học phần 5 nâng cao và hoàn thiện kiến thức chuyên môn. Giúp người học thực hiện thuần thục các kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn. Vận dụng tốt kỹ thuật, chiến thuật cá nhân, tập thể vào trong tập luyện và thi đấu, người học có khả năng tổ chức điều hành các trận đấu, giải đấu. Nắm vững các nguyên tắc, phương pháp giảng dạy. Người học có thể giảng dạy môn TTCN ở các trung tâm TDTT, CLB TDTT, các Trường THCS, THPT, CĐ, ĐH...	Khoa GDTC
1006G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 6	3	Học phần 6 nâng cao hơn kiến thức chuyên môn như: Kỹ, chiến thuật cá nhân trong tấn công và phòng thủ. Trang bị cho người học kiến thức về phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác, cách thức lập kế hoạch huấn luyện. Giúp người có kỹ năng tổ chức điều hành các trận đấu, giải đấu. Học xong học phần 6 người học có thể giảng dạy môn TTCN ở các trung tâm HLTDTT, huấn luyện môn TTCN ở các cấp đội tuyển, giảng dạy môn TTCN ở các cơ sở giáo dục.	Khoa GDTC
1007G	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 7	3	Là học phần nâng cao và hoàn thiện kiến thức chuyên môn như: Kỹ, chiến thuật cá nhân và tập thể trong tập luyện và thi đấu. Nâng cao hơn cho người học về phương pháp giảng dạy kỹ chiến thuật động tác, cách thức lập kế hoạch huấn luyện dài hạn. Học xong học phần 7 người có khả năng tổ chức điều hành các giải đấu tầm quốc gia. Có thể giảng dạy và huấn luyện môn TTCN ở các trung tâm HLTDTT cấp tỉnh, Các CLB, đội tuyển cấp Quốc gia, giảng dạy môn TTCN ở các cơ sở giáo dục.	Khoa GDTC
1008G	Lý luận và phương pháp	3	Là học phần cuối trong chương trình môn học TTCN, nhằm nâng cao và hoàn thiện kiến thức chuyên môn như: Phương pháp tổ chức thi đấu,	Khoa GDTC

		pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 8		các kỹ, chiến thuật cá nhân và tập thể trong tập luyện và thi đấu. Học xong học phần 8 người có kỹ năng tổ chức điều hành các giải đấu tầm quốc gia. Có thể giảng dạy và huấn luyện môn TTCN ở các trung tâm HLTDTT các cấp, Các CLB, đội tuyển cấp Quốc gia, giảng viên giảng dạy môn TTCN ở các cơ sở giáo dục.	
5	1BD00 9GHQ Y	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	2	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá như: Luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài, kỹ thuật tâng bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân, kỹ thuật giữ bóng, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật tranh cướp bóng, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật ném biên, kỹ thuật thủ môn.	Khoa GDTC
6	1BC00 9GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	2	Giới thiệu nguồn gốc và sự phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và ở Việt Nam, tính chất và tác dụng của nó đến người học. Phân tích các nguyên lý về kỹ thuật chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay, phát bóng, đập bóng, chắn bóng và nguyên lý về chiến thuật tấn công, chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu. Phương pháp giảng dạy – huấn luyện, phương pháp tổ chức giải đấu, phương pháp trọng tài, cách tính điểm. Những điều luật quy định về môn bóng chuyền: kích thước sân bãi, lưới, bóng, ghi điểm, libero, thay người, hồi ý ... lỗi chạm lưới, lỗi sang sân đối phương, lỗi phát bóng, lỗi sai vị trí... các bài tập hoàn thiện kỹ thuật, thể lực hình thành các kỹ năng, kỹ xảo.	Khoa GDTC
7	1BR00 9GHQ Y	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	2	Giới thiệu nguồn gốc và sự phát triển môn bóng rổ trên thế giới và ở Việt Nam, tính chất và tác dụng của nó đến người học. Phân tích các nguyên lý về kỹ thuật bắt bóng, dẫn bóng, chuyền bóng, ném rổ di chuyển các bước lên rổ và nguyên lý về chiến thuật tấn công, chiến thuật phòng thủ. Phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức giải đấu, phương pháp trọng tài, cách tính điểm. Những điều luật quy định về môn bóng rổ: kích thước sân bãi, vòng rổ, bảng rổ, bóng, ghi điểm, luật 03 giây, 05 giây, 08 giây, 24 giây... lỗi tấn công, lỗi phòng thủ, lỗi cá nhân, lỗi đồng đội... các bài tập hoàn thiện kỹ thuật hình thành các kỹ năng, kỹ xảo.	Khoa GDTC

8	1CV00 9G	Lý luận và phương pháp giảng dạy cờ vua	2	- Nguồn gốc ra đời và lịch sử phát triển môn cờ vua. - Nhận dạng quân cờ, vị trí ban đầu các quân cờ, các thuật ngữ trong cờ vua, cách ghi chép trong cờ vua, giá trị tương đối các quân cờ... - Tấn công và phòng thủ, hòa, thắng, thua, cách chiếu hết, nguyên tắc xử sự trong thi đấu. - Nguyên tắc tổ chức và phương pháp thi đấu môn cờ vua, trọng tài cờ vua, soạn thảo điều lệ, hệ thống thi đấu, bốc thăm bằng phần mềm Swiss. - Thực hiện nước đi, hoàn thành cờ, đồng hồ cờ, các thế cờ không hợp lệ, ghi chép các nước đi, tính điểm, tư cách đấu thủ...	Khoa GDTC
9	1GO00 9GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	2	Học phần Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf, là học phần duy nhất dành cho đào tạo sinh viên không chuyên Golf trình độ đại học của ngành Huấn luyện thể thao, Giáo dục thể chất, Quản lý và Y học. Là loại học phần bắt buộc cho sinh viên không chuyên Golf, là một học phần nguyên vẹn với tổng số thời gian thực hiện học phần là 45 giờ, tương đương 2 tín chỉ. Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật của môn Golf; trang bị những kỹ năng thực hành kỹ thuật động tác đánh Golf trong quá trình học tập của sinh viên; trang bị cho sinh viên sơ bộ về kiến thức luật của môn Golf; giúp sinh viên có khả năng nắm bắt kỹ thuật cơ bản của Golf. Nhằm cho sinh viên nắm bắt được một cách tổng hợp cơ bản bước đầu tri thức của môn Golf.	Khoa GDTC
10	1BN01 0HG	Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động	2	- Trò chơi vận động là một môn học trong trường Đại học TDTT Bắc Ninh nhằm đào tạo sinh viên theo các ngành Giáo dục thể chất và Huấn luyện TDTT. Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận, phương pháp giảng dạy, biên soạn, sáng tác, tổ chức chơi trò chơi và tổ chức quản lý môn Trò chơi vận động.... - Chương trình Trò chơi vận động (Kiến thức cơ bản về môn Trò chơi vận động) là chương trình theo ngành giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.	Khoa GDTC
11	1BN00 9G*	Lý luận và phương pháp giảng	2*	- Nguồn gốc ra đời và lịch sử phát triển môn Bóng ném. - Kỹ thuật tấn công trong bóng ném, kỹ thuật phòng thủ trong bóng ném, kỹ thuật thủ môn vận động viên bóng ném.	Khoa GDTC

		day Bóng Ném		- Chiến thuật tấn công và phòng thủ cơ bản, chiến thuật tấn công và phòng thủ trận địa, chiến thuật tấn công nhanh và phòng thủ chống tấn công nhanh, chiến thuật tấn công và phòng thủ cố định. - Yêu cầu chuyên môn cho vận động viên bóng ném, giảng dạy và huấn luyện kỹ - chiến thuật bóng ném, huấn luyện và giảng dạy thể lực trong bóng ném. - Luật Bóng ném, phương pháp tổ chức và thi đấu bóng ném.	
12	1BB00 9GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn		Học phần lý thuyết: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử môn học, vị trí tác dụng của môn học Bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng trong môn Bóng bàn, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, phương pháp giảng dạy môn học, phương pháp huấn luyện, cách thức tổ chức giải bóng bàn, phương pháp trọng tài và luật thi đấu. Các học phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn học, các kỹ thuật nâng cao, chiến thuật, các bài tập phát triển thể lực, phương pháp trọng tài và thi đấu; các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập; các phương pháp tổ chức giảng dạy - huấn luyện môn bóng bàn.	Khoa HLTT
13	1VO00 9GQY *	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	2*	Học phần kỹ thuật Võ, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: <i>Về lý thuyết:</i> Trang bị những kiến thức về lịch sử võ thuật trên thế giới và Việt Nam, xây dựng lịch trình, đề cương, giáo án giảng dạy môn võ thuật <i>Về thực hành:</i> Trang bị cho sinh viên nắm vững hệ thống kỹ thuật cơ bản, quyền pháp, kiểm pháp, tự vệ trong môn học, thực hiện tốt bài quyền tổng hợp, kiểm liên hoàn, tự vệ, thể lực chung và chuyên môn	Khoa HLTT
14	1VJ00 9GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật		Học phần kỹ thuật Vật tự do, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết: Cung cấp cho người học các kiến thức ban đầu về môn Vật, nguyên lý chung khi thực hiện kỹ thuật và giới thiệu các kỹ thuật cơ bản.	Khoa HLTT

				Thực hành: Tập luyện các kỹ thuật cơ bản, có khả năng hướng dẫn đối tượng mới tham gia tập luyện Vật.	
15	1QV00 9GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt		Lịch sử phát triển môn quần vợt, một số điều luật cơ bản trong thi đấu quần vợt, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật đánh bóng xoáy lên, kỹ thuật đánh bóng xoáy xuống, kỹ thuật giao bóng, chiến thuật đánh đơn, đánh đôi trong thi đấu quần vợt.	Khoa HLTT
16	1CL00 9GQY *	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	2*	Giới thiệu nguồn gốc và sự phát triển môn cầu lông trên thế giới và ở Việt Nam, tính chất và tác dụng của môn cầu lông đến người học. Phân tích các nguyên lý kỹ thuật cầu lông, kỹ thuật môn cầu lông, chiến thuật thi đấu. Phương pháp giảng dạy – huấn luyện, phương pháp tổ chức giải đấu, phương pháp trọng tài, cách tính điểm. Những điều luật quy định về môn cầu lông: kích thước sân bãi, lưới, bóng, ghi điểm... các bài tập thể lực chung và chuyên môn.	Khoa HLTT
17	1BS00 9GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng		Là học phần trong chương trình đào tạo chính quy sinh viên không chuyên bắn súng chuyên ngành GDTC. Học phần này giúp sinh viên nắm được ý nghĩa, tác dụng môn bắn súng thể thao, lịch sử môn bắn súng thể thao Việt Nam và thế giới, giúp sinh viên hình thành những khái niệm cơ bản và lý luận, luật, phương pháp tổ chức thi đấu, kiểm tra trọng tài môn súng trường hơi và các kỹ năng tập luyện, huấn luyện cơ bản môn súng trường hơi. Có thể làm được cộng tác viên, hướng dẫn viên bắn súng môn súng trường hơi.	Khoa HLTT

4.4. Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1	3	Kiến tập sư phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục ở trường phổ thông, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Sinh viên được nghe các báo cáo tình hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động ở trường phổ thông; kinh nghiệm công tác giảng dạy và chủ nhiệm của một số giáo viên tiêu biểu. Ngoài ra, sinh viên còn được dự giờ giáo viên hướng dẫn chuyên môn	Khoa GDTC

				và chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua lớp, tổ chức sinh hoạt đoàn đội, từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm. Thời điểm kiến tập sư phạm là học kì I năm thứ ba. Hình thức kiến tập sư phạm là tập trung trong 4 tuần liên tục.	
2	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	5	Thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên thực hành những kiến thức về các môn khoa học chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học ở trường đại học. Học phần thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên được rèn luyện, thử thách về nhiều mặt: khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tế, năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lí học sinh. Học phần này giúp sinh viên có cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông, qua đó tiếp tục tăng cường tình cảm và ý thức nghề nghiệp. Thời điểm Thực tập sư phạm là học kỳ 8 năm thứ tư, bắt đầu vào khoảng tháng 01 hàng năm (đầu HK II) và kéo dài 9 tuần liên tục. Hình thức sinh viên đi Thực tập sư phạm là tập trung. Sinh viên được xem là thành viên của trường phổ thông, sẽ chịu sự quản lí, phân công của trường thực tập.	Khoa GDTC
3	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp	6	Nội dung chính được giảng dạy cho người học là phương pháp nghiên cứu khoa học và cách thức để thực hiện một khóa luận tốt nghiệp.	Khoa GDTC
HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN THAY THẾ					
1	1LL008 GQY	Học phần chuyên môn thay thế 1: Lý luận TT	3	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 1 là môn khoa học về các quy luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực giáo dục thể chất. Nó chiếm vị trí ưu thế trong hệ thống kiến thức chuyên ngành TDTT. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất có vai trò quan trọng, trang bị những tri thức chuyên ngành giúp sinh viên biết vận dụng các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc... vào thực tiễn công tác giáo dục thể chất một cách khoa học. Đó cũng là những tri thức không thể thiếu trong đào tạo cán bộ giáo viên trình độ đại học thuộc ngành giáo dục thể chất	Khoa KT&KN CSN
2	1YS010 GHY	Học phần chuyên môn	3	Y học TDTT là môn khoa học thực hành nằm trong hệ thống các môn Y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC của Trường ĐH TDTT	Khoa Y sinh học TDTT

		thay thế 2: Y học TT		Bắc Ninh. Y học TĐTT là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về y học TĐTT bao gồm: kiểm tra y học TĐTT, chấn thương và các bệnh lý thường gặp trong hoạt động thể dục thể thao, các trường hợp cấp cứu, phương pháp phòng ngừa và xử lý một số trường hợp cấp cứu thường gặp.	
--	--	-------------------------------	--	---	--

5. Đề cương chi tiết (đính kèm tại phụ lục)

6. Phương pháp giảng dạy và học tập

6.1 Phương pháp dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là phương pháp dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Phương pháp dạy học này thường được áp dụng khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Phương pháp dạy học trực tiếp bao gồm phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng và phương pháp báo cáo chuyên gia.

- Giải thích cụ thể (Explicit teaching): giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

- Thuyết giảng (Lecture): giảng viên trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giải. Sinh viên nghe giảng, ghi chú để tiếp nhận các kiến thức.

- Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo

6.2. Dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là phương pháp dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy này được áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

- Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

- Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết.

- Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu

6.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học này được áp dụng gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

- Mô hình (Models): Là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

- Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại các đơn vị và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công việc đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Thí nghiệm (Experiment): Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giảng viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

- Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team); Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

6.4. Dạy học tương tác

Đây là phương pháp dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các phương pháp được áp dụng gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning)

- Tranh luận (Debates): Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

- Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

- Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

6.5. Tự học

Phương pháp tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp dạy học này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment)

- Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Thang điểm đánh giá:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

Hệ thống tính điểm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẽ đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được quy định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt).

Thang điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ
9,0 đến 10,0	4,0	A+
8,0 đến cận 9,0	3,5	A
7,0 đến cận 8,0	3,0	B+
6,0 đến cận 7,0	2,5	B
5,0 đến cận 6,0	2,0	C
4,0 đến cận 5,0	1,5	D+
3,0 đến cận 4,0	1,0	D
<3,0	0,0	F

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a) Học phần lý thuyết, thực hành

TT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	10%
2	Quá trình	Tùy theo đặc thù của học phần mà giảng viên có thể cho sinh viên thực hiện 1 hoặc kết hợp các hoạt động: Làm 1 bài kiểm tra cá nhân. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra sẽ được giảng viên nêu cụ thể; Làm các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn, hoặc bài thực hành nếu học phần có cả lý thuyết và thực hành theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn,... sẽ được giảng viên nêu cụ thể	30%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần: Thi tập trung (theo quy định thi kiểm tra của Nhà trường)	60%

c) Học phần Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần chuyên môn thay thế):

TT	Nội dung đánh giá	Yêu cầu	Trọng số
1	Phương pháp luận nghiên cứu	- Phương pháp luận tiếp cận rõ ràng, mạch lạc - Diễn giải vấn đề logic, thuyết phục, phân tích rõ ràng, - Kết quả giải quyết vấn đề có ý nghĩa thực tiễn	5,0
2	Phương pháp vận dụng	- Lựa chọn phương pháp phù hợp, Phương pháp có độ tin cậy	2,0
3	Trình bày trước Hội đồng	Thiết kế đẹp, trình bày mạch lạc, hiểu được vấn đề	2,0
4	Trả lời câu hỏi	Hiểu được câu hỏi, trả lời trôi chảy	1,0
Tổng điểm			10,0

Bảng 2: Chuyên mục đánh giá (Thang điểm từ 1 đến 10)

Score Tiêu chí (Thang đo Bloom)	< 5	5 -< 7	7 -< 9	9 - 10
Nội dung kiến thức môn học (70%)	- Có khả năng nhớ và hiểu được đối tượng cần viết. - Chưa cần khả năng phân tích.	- Biết sử dụng kiến thức vào để giải quyết vấn đề Khóa luận đặt ra. - Biết phân tích và phân biện vấn đề nghiên cứu.	- Vận dụng được kiến thức và phương pháp một cách hợp lý. - Phân tích sâu vấn đề, đề xuất ý tưởng mới.	- Vận dụng được hiểu biết sâu rộng, kiến thức và phương pháp viết về vấn đề Khóa luận đề cập. - Phân tích vấn đề sâu và logic, liên kết được các ý tưởng sáng tạo.

Phong cách viết, lập luận và hình thức trình bày (30%)	- Viết tương đối khó hiểu	- Viết dễ hiểu	- Viết dễ hiểu, logic	- Viết dễ hiểu, lập luận chặt chẽ. - Trình bày đẹp.
---	---------------------------	----------------	-----------------------	--

8. Thời gian cập nhật

Thời điểm rà soát được thực hiện căn cứ vào Hướng dẫn rà soát, xây dựng CTĐT theo Quyết định số: 790/QĐ-TDTTBN ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc phê duyệt Quyết định ban hành quy định rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo cho các ngành đại học Trường đại học TDTT Bắc Ninh, và Quyết định số: 1031/QĐ-TDTTBN ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHTDTT Bắc Ninh về việc ban hành kế hoạch rà soát điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo.

Căn cứ Quyết định số: 648/QĐ-TDTTBN ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh về việc phê duyệt Quyết định ban hành bản mô tả chương trình đào tạo cho các ngành.